TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-PT
Ngày 10-3-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số N, ấp B, xã Th, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số L, ấp B, xã Th, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A, Nguyễn Thượng E, phường F, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/. Ông Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1986.

2/. Ông Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Số L, ấp B, xã Th, huyện C, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H.

(Ông H, ông P có mặt, còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021, ngày 30/12/2021, ngày 24/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Phi H là nguyên đơn trình bày:

Ông có các thửa đất, trong đó thửa đất số 1713 (thửa cũ) tờ bản đồ số 6 diện tích 1.024m^2 (thửa mới số 94 tờ bản đồ số 27 diện tích là 956,9m^2), nguồn gốc thửa đất của cha mẹ ông để lại cho ông. Năm 1999 giữa ông và ông Nguyễn Thanh X (đã chết, ông X là chồng bà Lê Thị T) có hoán đổi đất cho nhau, ông sử dụng thửa đất số 1718 tờ bản đồ số 6 diện tích là 923m^2 do ông X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt: GCNQSD) đất, ông X và bà T sử dụng thửa đất số 1713 do ông đứng tên GCNQSD đất, đến năm 2001 ông thế chấp Ngân hàng thửa đất số 1713, sau đó do làm ăn thua lỗ nên Ngân hàng khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện C, ông đã thi hành án xong nợ cho Ngân hàng vào năm 2016 do ông Nguyễn Đức K là người trúng đấu giá tài sản thi hành án thửa đất số 94, có diện tích là 675m^2 nay là thửa 553 do ông K đứng tên GCNQSD đất, như vậy thửa đất số 1713 còn lại là 281,9m^2, (ông và ông X đã chấm dứt việc hoán đổi đất giữa thửa đất số 1713 và thửa đất số 1718 để ông thi hành án cho Ngân hàng xong). Diện tích còn lại của thửa đất số 1713 ông sử dụng thì bà Lê Thị T không đồng ý, bà T cho rằng đất này là của bà Trịnh Thị S, ông Nguyễn Văn Y cho bà T và ông X nên bà T không đồng ý trả lại cho ông. Ủy ban nhân dân xã có hòa giải nhưng không thành.

Ông yêu cầu bà T trả lại cho ông diện tích 281,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 1713, diện tích 281,9m^2 hiện nay là thửa đất số 94. Qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp tại vị trí khu C có diện tích là 277,9m^2 thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 27, trong đó có một phần khu mộ của cha mẹ ruột ông với ông X, có một cây dừa, một cây me ông không tranh chấp.

Ông yêu cầu bà T phải hoàn trả chi phí san lấp ao cho ông theo định giá là 30.477.000 đồng. Đối với cây trồng trên đất gồm 15 trụ thanh long ruột đỏ đã 08 năm tuổi, ông đồng ý để cho bà T tiếp tục trồng đến 02 năm tiếp theo kể từ ngày 09/9/2022 sẽ tự chặt bỏ trả đất cho ông, ông không đồng ý bồi hoàn giá trị cho bà T và không đồng ý chi trả công sức giữ gìn bảo quản phần đất tranh chấp từ năm 2001 cho đến năm 2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H trình bày: Phần cái ao đã được đào từ năm 2014, ông O là em ruột bà T nên lời trình bày không chính xác.

Kết quả đo đạc và định giá ông H thống nhất.

Theo đơn phản tố ngày 29/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim D là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Thanh Ng, ông Nguyễn Ngọc U trình bày:

Diện tích 281,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 1713 cũ do bà Trịnh Thị S, ông Nguyễn Văn Y là cha mẹ chồng bà T cho bà T và ông X sử dụng từ trước đến nay. Hiện tại phần đất các bên đang tranh chấp là do bà Lê Thị T và hai con bà T là Nguyễn Thanh Ng, ông Nguyễn Ngọc U cùng quản lý, sử dụng. Ông X mất ngày 31/5/2019. Trước khi ông X và ông H đổi đất cho nhau để sử dụng, thì phần cái ao hiện nay là do ông Nguyễn Văn Y là cha ruột ông X, ông H đã thuê người đào sẵn trước đó nên trước yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà T, ông Ng, ông U không đồng ý trả lại 277,9m^2 đất tại vị trí C và không đồng ý thanh toán lại chi phí san lấp cho ông H là 30.477.500 đồng.

Trên phần đất tranh chấp có 15 trụ thanh long ruột đỏ do bà T trồng nên bà T yêu cầu ông H phải hoàn trả lại cho bà T theo định giá là 27.000.000 đồng. Bà T yêu cầu ông H phải thanh toán lại công sức giữ gìn bảo quản phần đất tranh chấp từ năm 2001 cho đến năm 2022 là 112.000.000 đồng. Bà T, ông Ng, ông U thống nhất, không tranh chấp (một cây dừa, một cây me chua). Trường hợp đất của ông H thì bà T, ông Ng, ông U tự chặt bỏ, tự di dời ra khỏi thửa đất số 94, trả lại đất cho ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà D trình bày: Đối với phần đất tranh chấp tại vị trí khu C theo mảnh trích đo bản đồ bà T đồng ý trả lại cho ông H, bà T không đồng ý thanh toán cho ông H chi phí san lấp ao, vì phần cái ao đã có từ năm 1999 trước đó, do ông Ba còn sống đã đào ao. Bà T yêu cầu ông H thanh toán giá trị thanh long là 27.000.000 đồng, chi phí công sức giữ gìn bảo quản phần đất tranh chấp là 112.000.000 đồng.

Kết quả đo đạc và định giá bà T, ông Ng, ông U thống nhất.

Tại Bản án sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; áp dụng các điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng các điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông Nguyễn Phi H đối với bà Lê Thị T, ông Nguyễn Thanh Ng, ông Nguyễn Ngọc U.

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông Nguyễn Phi H đối với bà Lê Thị T tại vị trí C, có diện tích là 277,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 94, tờ bản đồ số 27.

Buộc bà T trả cho ông H vị trí C, có diện tích là 277,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 94, tờ bản đồ số 27, tự tháo dỡ, di chuyển một cây me, một cây dừa (chặt bỏ) theo mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN đo vẽ ngày 28/6/2022 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 01/7/2022.

Không chấp nhận chi phí san lấp ao của ông H đối với bà T.

1.2 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T đối với ông H. Buộc ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà T 15 trụ thanh long ruột đỏ theo định giá là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chi phí công sức, giữ gìn bảo quản diện tích 277,9m^2 đất của bà T đối với ông H.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 24.900.000 đồng (ông H đã nộp xong). Ông H phải chịu 12.589.440 đồng (mười hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi đồng, ông H đã nộp xong). Bà T phải chịu 12.310.560 đồng, bà T phải hoàn trả cho ông H 12.310.560 đồng (mười hai triệu ba trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H, bà T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 03/01/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Phi H kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H trình bày: Sau khi hoán đổi đất thì ông X đã đào ao trên thửa đất 1713 của ông vào năm 2014 để lên nền nhà thửa đất 81 của ông X, do ông X đã mất nên ông yêu cầu bà T trả tiền giá trị sang lắp ao là 30.000.000 đồng. Đối với 15 trụ thanh long trên phần đất tranh chấp, năm 2019 bà T cho bà Lê Thị Z thuê 165 trụ trong đó có 15 trụ trên phần đất tranh chấp đến tháng 7/2025 hết hợp đồng, tiền thuê bà Năm đã trả cho bà T xong hết, do thanh long rớt giá nên bà Năm trả lại cho bà T trước hợp đồng, nên ông không đồng ý bồi thường. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay qua vận động thì ông tự nguyện hoàn trả giá trị 15 trụ thanh long cho bà T với số tiền là 20.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Minh P trình bày: Về phần yêu cầu bồi thường san lắp ao thì ao này đã được hình thành khi ông Nguyễn Văn Y còn sống, những người làm chứng đều xác định ao có từ năm 1999, thời điểm này ông Ba vẫn là người đứng

tên quyền sử dụng đất như ông H không ý kiến phản đối, cũng như trong thời gian hoán đổi ông H cũng không ý kiến gì. Việc ông H có được phần đất trên là do nhận kỷ phần thừa kế để lại trong đó có phần của ông X là chồng bà T để lại cho ông H. Vì các lý do trên nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H về phần san lắp ao. Còn phần ông H hoàn trả giá trị 15 trụ thanh long cho bà T với số tiền là 20.000.000đồng ông đại diện cho bà T hoàn toàn thống nhất.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Phần chi phí san lấp vị trí ao: Xét qua lời trình bày của các bên và những người làm chứng thì xác định khi còn sống ông Nguyễn Văn Y đã đào ao để sử dụng cho sinh hoạt gia đình (trước khi ông X, ông H đổi đất cho nhau). Ngoài ra ông H cũng không có phản đối gì đối với việc đào ao trên khi ông X còn sống, cũng như lúc phải thi hành án cho Ngân hàng theo bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2015/DS-PT ngày 02/11/2015 nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H là có căn cứ.

Phần hoàn trả giá trị 15 trụ thanh long: Tại phiên tòa các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 01 năm 2023 ông Nguyễn Phi H kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Ng và Nguyễn Ngọc U có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông Nguyễn Phi H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Về chi phí san lấp vị trí ao: Xét lời trình bày của các bên và những người làm chứng thì xác định khi còn sống ông Nguyễn Văn Y đã đào ao để sử dụng cho sinh hoạt gia đình (trước khi ông X, ông H đổi đất cho nhau). Ngoài ra ông H cũng không có phản đối gì đối với việc đào ao trên khi ông X còn sống, cũng như lúc phải thi hành án cho Ngân hàng theo bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2015/DS-PT ngày 02/11/2015 nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H là phù hợp.

[4.2] Về vị trí đất tranh chấp mà bà T phải giao trả đất lại cho ông H thì trên đó có 15 trụ thanh long ruột đỏ, do bà T trồng, ông H kháng cáo không đồng ý bồi hoàn giá trị cho bà T theo kết quả định giá. Ông H nại rằng năm 2019 bà T cho bà Lê Thị Z thuê 165 trụ trong đó có 15 trụ trên phần đất tranh chấp đến tháng 7/2025 hết hợp đồng, tiền thuê thì bà Năm đã trả cho bà T xong hết, do thanh long rớt giá nên bà Năm trả lại cho bà T trước hợp đồng, nên ông không đồng ý bồi thường. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì ông H tự nguyện hoàn trả giá trị 15 trụ thanh long cho bà T với số tiền là 20.000.000 đồng. Ông Huỳnh Minh P là người đại diện cho bà T cũng thống nhất nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Phi H được chấp nhận một phần nên ông H không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phi H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; các điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông Nguyễn Phi H đối với bà Lê Thị T, ông Nguyễn Thanh Ng, ông Nguyễn Ngọc U.

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông Nguyễn Phi H đối với bà Lê Thị T tại vị trí C, có diện tích là 277,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 94, tờ bản đồ số 27.

Buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Phi H vị trí C, có diện tích là 277,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 94, tờ bản đồ số 27, tự tháo dỡ, di chuyển một cây me, một cây dừa (chặt bỏ), theo mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN đo vẽ ngày 28/6/2022 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 01/7/2022.

Không chấp nhận yêu cầu chi phí san lấp ao của ông Nguyễn Phi H đối với bà Lê Thị T.

1.2 Công nhận sự thỏa thuận, tự nguyện giữa ông Nguyễn Phi H với ông Huỳnh Minh P là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T.

Ông Nguyễn Phi H có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị T 15 trụ thanh long ruột đỏ trị giá thành tiền là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chi phí công sức, giữ gìn bảo quản diện tích 277,9m^2 đất của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn Phi H.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 24.900.000 đồng (ông H đã nộp xong). Ông Nguyễn Phi H phải chịu 12.589.440 đồng (Mười hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi đồng), ông Nguyễn Phi H đã nộp xong. Bà Lê Thị T phải chịu 12.310.560 đồng, bà T phải hoàn trả cho ông Nguyễn Phi H 12.310.560 đồng (Mười hai triệu ba trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Phi H và bà Lê Thị T. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị T.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu thi hành ngay sau khi tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những